

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 197/HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 1982

NGHỊ ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 197/HĐBT

NGÀY 14 THÁNG 12 NĂM 1982 BAN HÀNH ĐIỀU LỆ

VỀ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 quy định nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm của Bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước;

Theo đề nghị của chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1.- Nay ban hành kèm theo Nghị định này bản Điều lệ về nhãn hiệu hàng hoá.

Điều 2.- Bản điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày công bố. Những quy định trước đây về thể lệ đăng ký và sử dụng nhãn hiệu hàng hoá dịch vụ trái với điều lệ này đều bãi bỏ.

Đối với những nhãn hiệu thương phẩm đã đăng ký theo Nghị định số 175-TTg ngày 3-1-1958 của Thủ tướng Chính phủ và những nhãn hiệu chế tạo hay thương hiệu đã đăng ký ở miền nam Việt Nam trước ngày 30-4-1975 muốn tiếp tục được bảo hộ về pháp lý đều phải đăng ký theo quy định của điều lệ này.

Điều 3.- Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng Bộ trưởng, các bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

ĐIỀU LỆ

VỀ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ

(ban hành kèm theo Nghị định số 197-HĐBT ngày 14-12-1982

của Hội đồng Bộ trưởng)

Để thống nhất quản lý nhãn hiệu hàng hoá trong phạm vi cả nước, thúc đẩy các cơ sở sản xuất, kinh doanh bảo đảm và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, góp phần quản lý việc lưu thông hàng hoá trên thị trường trong và ngoài nước, chống làm hàng giả và kinh doanh trái phép.

Điều lệ này ban hành nhằm bảo hộ pháp lý các nhãn hiệu hàng hoá, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng và của các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

*Điều 1.-*1. Các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước, các xí nghiệp công tư hợp doanh, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa, các tư nhân và pháp nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh hay dịch vụ hợp pháp (sau đây gọi tắt là các cơ sở sản xuất, kinh doanh) có quyền và có nghĩa vụ đăng ký và sử dụng nhãn hiệu hàng hoá hay nhãn hiệu dịch vụ để đánh dấu sản phẩm hàng hoá hay phương tiện phục vụ của mình theo quy định của điều lệ này.

2. Điều lệ này được áp dụng chung cho việc bảo hộ pháp lý nhãn hiệu hàng hoá và nhãn hiệu dịch vụ (sau đây gọi chung là nhãn hiệu hàng hoá).

3. Các công ty, tổng công ty, liên hiệp các xí nghiệp, các tổ chức Nhà nước có tư cách pháp nhân có quyền xin đăng ký và sử dụng nhãn hiệu hàng hoá tập thể. Các thành viên hoặc các chi nhánh của các tổ chức trên được quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá tập thể đó theo quy tắc sử dụng do các tổ chức trên quy định.

4. Cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài được hưởng các quyền lợi do điều lệ này quy định trên nguyên tắc có đi có lại theo đúng luật pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các hiệp ước quốc tế về sở hữu công nghiệp mà Việt Nam tham gia.

Cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài tiến hành các công việc liên quan đến bảo hộ pháp lý nhãn hiệu hàng hoá ở Việt Nam phải thông qua người đại diện hợp pháp là Phòng thương mại nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu như các hiệp ước quốc tế mà Việt Nam tham gia không quy định một thể thức khác.

*Điều 2.-*1. Nhà nước bảo hộ pháp lý nhãn hiệu hàng hoá theo quy định của điều lệ này theo yêu cầu của các cơ sở sản xuất, kinh doanh với điều kiện sản phẩm hàng hoá đã được cơ quan

có thẩm quyền cho phép sản xuất, kinh doanh và đã đăng ký chất lượng sản phẩm theo quy định.

2. Các Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương trong phạm vi quyền hạn của mình, có trách nhiệm quy định các loại hàng hoá phải mang nhãn hiệu đã được đăng ký khi lưu thông trên thị trường như hàng hoá xuất khẩu, hàng hoá có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ và đời sống người tiêu dùng hay một số loại hàng hoá có ý nghĩa kinh tế - xã hội khác thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của mình.

3. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh bắt buộc phải xin đăng ký và sử dụng nhãn hiệu hàng hoá cho các loại hàng hoá theo quy định ở mục 2 nêu trên.

Điều 3.-1. Nhãn hiệu hàng hoá được bảo hộ pháp lý là những dấu hiệu được chấp nhận có thể là từ ngữ, hình ảnh, hình vẽ, hình nổi... hoặc là sự kết hợp các yếu tố trên, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc kết hợp.

2. Các dấu hiệu dưới đây không được chấp nhận là nhãn hiệu hàng hoá:

a) Các dấu hiệu không có khả năng phân biệt như tập hợp các dạng hình học đơn giản, các chữ số, chữ cái hoặc những chữ không có khả năng phát âm như một từ ngữ, trừ trường hợp đặc biệt các dấu hiệu này đã được sử dụng rộng rãi và được tín nhiệm từ trước.

b) Các dấu hiệu quy ước, các hình vẽ và tên gọi thông thường của hàng hoá đã được sử dụng rộng rãi mọi người đều biết.

c) Các dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, chất lượng, số lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị... mang tính chất mô tả hàng hoá.

d) Các dấu hiệu làm hiểu sai lệch về xuất xứ, tính năng, công dụng của hàng hoá hoặc các dấu hiệu có tính chất lừa đảo người tiêu dùng.

e) Các dấu hiệu giống hoặc tương tự với dấu chất lượng, dấu kiểm tra, dấu bảo hành... của các tổ chức trong hay ngoài nước.

g) Các dấu hiệu mang hình quốc kỳ, quốc huy, biểu tượng quốc gia, ảnh lãnh tụ, ảnh anh hùng dân tộc, địa danh của Việt Nam cũng như của nước ngoài; các tên gọi, biểu tượng của các tổ chức quốc tế nếu không được các cơ quan có thẩm quyền tương ứng cho phép.

h) Các dấu hiệu trái với pháp luật Nhà nước, trật tự và đạo đức xã hội chủ nghĩa.

i) Các dấu hiệu giống hoặc tương tự với nhãn hiệu hàng hoá đã được đăng ký trước tại Việt Nam hoặc đã được bảo hộ theo một hiệp ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, cho cùng một loại hàng hoá.

Điều 4.-Việc trình bày nhãn hiệu hàng hoá trên sản phẩm, hàng hoá, phương tiện phục vụ theo quy định của điều lệ này không thay thế cho việc trình bày nhãn hiệu sản phẩm (ê-ti-kết) và các loại nhãn khác theo quy định trong các tiêu chuẩn, điều kiện kỹ thuật và hợp đồng chuyển giao hàng hoá.

Chương II

ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ

Điều 5. -1. Việc đăng ký nhãn hiệu hàng hoá do Cục sáng chế thuộc Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước đảm nhiệm. Để được bảo hộ pháp lý nhãn hiệu hàng hoá, các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải nộp hồ sơ xin đăng ký cho Cục sáng chế.

2. Mỗi hồ sơ xin đăng ký nhãn hiệu hàng hoá chỉ sử dụng cho một nhãn hiệu và phải kèm theo danh mục các loại hàng hoá sẽ mang nhãn hiệu đó. Hồ sơ xin đăng ký nhãn hiệu hàng hoá làm theo mẫu quy định trong thông tư hướng dẫn thi hành điều lệ này.

3. Người nộp hồ sơ xin đăng ký nhãn hiệu hàng hoá phải nộp các khoản lệ phí đăng ký. Lệ phí đăng ký và các khoản lệ phí khác nêu ở các điều sau đây của điều lệ này sẽ do Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước quy định.

Điều 6.-1. Trong thời hạn nhiều nhất là 1 tháng tính từ ngày nhận được hồ sơ xin đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, Cục sáng chế phải xem xét các yêu cầu về hình thức và thủ tục lập hồ sơ và trong thời hạn 6 tháng tính từ ngày chấp nhận hồ sơ hợp lệ, Cục sáng chế phải xem xét và trình Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước ra quyết định cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hoá. Trường hợp không cấp phải thông báo rõ lý do cho người nộp hồ sơ biết.

2. Các nhãn hiệu hàng hoá được cấp giấy chứng nhận được ghi vào sổ đăng bạ nhãn hiệu hàng hoá quốc gia và được công bố trên thông báo sáng chế và nhãn hiệu hàng hoá do Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước xuất bản. Chủ nhãn hiệu hàng hoá phải nộp lệ phí in nhãn hiệu hàng hoá khi công bố.